TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST Ngày: 19/01/2024 *V/v: Xin ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Hoa**; Ông **Nguyễn Văn Đức**.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q.

- *Đại diện Viện KSND huyện Q* tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thanh N,** sinh năm 1988;

HKTT: TDP DN, thị trấn Q, huyện Q, TP Hà Nội;

Hiện ở: Nguyễn Tuân, Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Triệu Nguyễn T**, sinh năm 1990;

HKTT: TDP DN, thị trấn Q, huyện Q, TP Hà Nội;

Hiện ở: HH2A khu đô thị L, phường H, quận H, TP Hà Nội.

Chị N có mặt; Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 07/9/2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ; quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Đinh Thanh N trình bày:*

Năm 2018, tôi và anh Triệu Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q ngày 05/12/2018. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn ở khu chung

cư L, quận H. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Vợ chồng tôi thường xuyên cãi vã nhau liên quan đến tình cảm và kinh tế gia đình. Thỉnh thoảng anh T nóng giận có đánh đập tôi. Ngày 15/3/2020, tôi và anh T đã làm Bản cam kết thực hiện các điều khoản trong thời gian ly thân để hai bên có thời gian nhìn nhận lại mình. Tiếp đến ngày 21/3/2020, tại gia đình tôi ở xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định anh T, tôi và bố tôi tiếp tục làm Bản cam kết gia đình anh T không được đánh đập, đuổi tôi ra khỏi nhà và phải sống tôn trọng tôi và hai bên gia đình nếu không sẽ ly hôn. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cũng đã can thiệp hòa giải cho vợ chồng tôi đoàn tụ nhưng chúng tôi vẫn không thể kiềm chế được nỗi bức xúc mỗi khi cùng chung sống trong cùng một mái nhà. Việc vợ chồng thường xuyên mẫu thuẫn, ảnh hưởng rất lớn đến công việc, tâm sinh lý của tôi và con tôi.

Mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm vào tháng 9 năm 2021, do tình cảm vợ chồng rạn nứt, tôi và anh T cãi vã nhau nặng lời. Lúc đó anh T lăng mạ, đánh đập, hành hạ tôi rất thô bạo, còn dùng dao đe dọa tôi nên tôi phải báo Công an phường Hoàng Liệt, quận H can thiệp. Sau đó tôi phải xách túi ra đi chuyển đến Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân. Từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân. Anh T lúc ở Hà Nội lúc về quê, tôi cũng không rõ; Còn tôi sinh sống ở Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội cho đến nay. Vợ chồng tôi không ai còn hỏi han, quan tâm ai nữa. Tháng 3 năm 2022, tôi đã làm đơn ly hôn anh T. Khi Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết anh T hứa sửa chữa khuyết điểm và xin lỗi bố tôi nên chúng tôi lại hòa thuận. Tuy nhiên, thời gian sau đó, vợ chồng tôi đã rất cố gắng nhưng anh T không sửa chữa khuyết điểm và không xin lỗi gia đình tôi nênhai bên không thể hàn gắn lại tình cảm được nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi tiếp tục làm đơn cương quyết xin ly hôn anh T để giải phóng cho cả hai người.

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn V, sinh ngày 26/08/2019. Hiện nay cháu đang sống cùng anh T. Nếu ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cho tôi được trực tiếp nuôi cháu V cho đến khi cháu trưởng thành. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức chung: Không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn anh Triệu Nguyễn T trình bày:*

Tôi và chị Đinh Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q ngày 05/12/2018. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau

luôn ở khu chung cư L, quận H. Vợ chồng tôi sống riêng, không chung sống cùng bố mẹ chồng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến thỉnh thoảng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã. Tôi có đánh vợ tôi 02 lần do nóng giận khi vợ chồng cãi nhau nhưng sau đó tôi đều xin lỗi vợ tôi. Vợ chồng tôi cũng đã tự hòa giải mâu thuẫn nhiều lần và sau đó vợ chồng lại bình thường với nhau.

Đến tháng 9/2021 tôi và chị N ly thân, chị N chuyển đến thuê nhà ở nơi khác gần chỗ bố con tôi ở vì vợ chồng tôi xảy ra nhiều bất đồng. Tuy nhiên, chị N vẫn qua lại nhà tôi để chăm sóc con cái mỗi tuần khoảng 3 đến 4 ngày.

Năm 2022 chị N đã làm đơn xin ly hôn tôi đến Tòa án nhân dân huyện Q nhưng vợ chồng đã hòa giải đoàn tụ thành và về ở với nhau. Đến cuối tháng 8/2023 mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng do tôi áp đặt cuộc sống cho chị N nên gây áp lực cho chị N, trong lúc nóng giận tôi đã bắt chị N viết đơn xin ly hôn tôi. Nay tôi đã suy nghĩ lại, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi vẫn thương yêu chị N nên tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng tôi được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn V, sinh ngày 26/8/2019. Hiện nay cháu đang sống cùng tôi. Nếu ly hôn, tôi có nguyện vọng giao cháu cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa,*

- Chị N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; Anh T có đơn xin vắng mặt.

- Về con chung: Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh T đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

- **Về tố tụng**: Việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2018 tại UBND thị trấn Q là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 9/2021, vợ chồng cãi vã nhau nặng lời nên anh T không những lăng mạ, đánh đập mà còn dùng dao đe dọa khiến chị N phải báo Công an phường Hoàng Liệt, H, Hà Nội can thiệp. Chính điều này đã làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt nên chị N đã chuyển ra ngoài ở riêng. Tháng 3/2022, chị N đã làm đơn ly hôn anh T và được Tòa án hòa giải đoàn tụ thành. Nhưng đến cuối tháng 8/2023 mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng do anh T áp đặt cuộc sống, gây áp lực cho chị N và còn bắt chị N viết đơn ly hôn. Vì thế chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn, còn anh T đề nghị được đoàn tụ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã trầm trọng, chị N đã 1 lần làm đơn đề nghị được ly hôn anh T nhưng đã được hoà giải đoàn tụ về sống cùng nhau nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà vẫn tiếp tục mâu thuẫn nhau nên vợ chồng sống ly thân đã thời gian dài. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng chị N nhất cương quyết ly hôn. Do đó xét thấy hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị N ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 và Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn V, sinh ngày 26/08/2019. Hiện cháu đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị N xin được nuôi cháu V và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, còn anh T đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó đề nghị HĐXX giao cháu V cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành hoặc đến khi có Quyết định thay đổi khác. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác của anh T.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]*Về tố tụng*:

Anh Triệu Nguyễn T có hộ khẩu thường trú tại TDP DN, thị trấn Q, huyện Q nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân huyện Q.

Tại phiên tòa bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2]*Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thanh N và anh Triệu Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lý do chị N xin ly hôn anh T là vì cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp, hai bên vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã, gây áp lực cho nhau. Năm 2022 chị N đã làm đơn xin ly hôn sau đó được Tòa án hòa giải về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn lại tình cảm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy chị N đã có đơn xin ly hôn anh T, còn anh T có nguyện vọng xin đoàn tụ. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng; Đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[2.2] *Về con chung:* Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn V, sinh ngày 26/08/2019. Hiện nay cháu đang sống cùng anh T.

Nếu ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cháu V cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện đó của các bên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác. HĐXX

xét thấy việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền trên là phù hợp với điều kiện sống và nguyện vọng của các bên nên chấp nhận sự tự nguyện này.

[2.3] *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị N và anh T không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] *Về án phí:* Chị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Xin ly hôn"* của chị Đinh Thanh N đối với anh Triệu Nguyễn T.

1. Về hôn nhân: Xử: Chị **Đinh Thanh N** ly hôn anh **Triệu Nguyễn T**.

2. Về con chung: Chị N và anh T có có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn V, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Chấp nhận sự tự nguyện của hai bên: Giao cho chị N quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000 đồng/tháng *(tám triệu đồng mỗi tháng)* kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức chung: Chị N và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị N và anh T không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000750 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND huyện Q;*
- *THA DS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Thanh